

BÁO CÁO THAM LUẬN

THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI MRV TRONG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 01 TRIỆU HÉC-TA LÚA TẠI TỈNH ĐỒNG THÁP¹

Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” là chủ trương lớn nhằm tổ chức lại sản xuất lúa theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh ngành hàng lúa gạo ngày càng chịu áp lực về tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc, giảm phát thải khí nhà kính và chuyển đổi xanh, việc triển khai hệ thống đo đạc, báo cáo và thẩm định giảm phát thải (MRV) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Đối với tỉnh Đồng Tháp, việc tham gia Đề án không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất lúa, tăng thu nhập cho nông dân mà còn tạo tiền đề hình thành vùng nguyên liệu lúa chất lượng cao, phát thải thấp, gắn với chuyển đổi số, quản lý dữ liệu sản xuất, chứng nhận giảm phát thải và hướng tới thị trường tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế. MRV vì vậy không chỉ là yêu cầu kỹ thuật trong kiểm kê khí nhà kính, mà còn là công cụ quản trị vùng sản xuất, giúp minh bạch hóa quá trình canh tác và nâng cao giá trị ngành hàng lúa gạo.

Tuy nhiên, MRV là nội dung mới đòi hỏi sự thống nhất về quy trình kỹ thuật, dữ liệu đầu vào chính xác, năng lực đo đạc thực địa, hệ thống phần mềm ghi nhận dữ liệu, nguồn nhân lực được đào tạo và sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý, khuyến nông, hợp tác xã, doanh nghiệp và nông dân. Vì vậy, việc đánh giá thực trạng triển khai MRV tại Đồng Tháp là cần thiết nhằm nhận diện kết quả bước đầu, khó khăn, bài học kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp phù hợp trong thời gian tới.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 01 TRIỆU HÉC-TA LÚA TẠI ĐỒNG THÁP

Thời gian qua, công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp được triển khai tương đối đồng bộ. Tỉnh đã ban hành kế hoạch, tổ chức tuyên truyền, tập huấn và chỉ đạo các địa phương, cơ quan chuyên môn phổ biến các quy trình kỹ thuật sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp, đồng thời lồng ghép nguồn lực từ chương trình khuyến nông, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa, các dự án hợp tác quốc tế để tổ chức thực hiện.

Về quy mô diện tích, theo kế hoạch thực hiện Đề án giai đoạn 2024-2025, diện tích tham gia của tỉnh là 72.103 ha. Đến cuối năm 2025, diện tích thực hiện đạt trên 75.000 ha, tương đương 104% kế hoạch giai đoạn. Các vùng tham gia chủ yếu là vùng sản xuất

¹ Phục vụ tọa đàm “Chuyển đổi số và quản lý phát thải khí nhà kính phục vụ phát triển vùng lúa chất lượng cao, phát thải thấp vùng Đồng bằng sông Cửu Long”

lúa tập trung, vùng đã được đầu tư từ các dự án trước đây và các khu vực có điều kiện thuận lợi để tổ chức liên kết sản xuất, áp dụng kỹ thuật đồng bộ, quản lý nước và tiêu thụ sản phẩm.

Về đào tạo, tập huấn và nâng cao năng lực, tỉnh đã tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ quản lý kinh tế tập thể, cán bộ hợp tác xã, tổ hợp tác và hội quán, đồng thời tổ chức nhiều cuộc tập huấn, hội thảo kỹ thuật cho cán bộ kỹ thuật, nông dân và các tổ chức nông dân về quy trình canh tác lúa chất lượng cao, phát thải thấp, công tác đo đạc, báo cáo và thẩm định giảm phát thải. Đây là nền tảng quan trọng để hình thành nhận thức và năng lực bước đầu cho quá trình triển khai MRV tại cơ sở.

Về canh tác bền vững và giảm phát thải, các mô hình thí điểm thuộc Đề án đã được triển khai tại một số hợp tác xã. Kết quả bước đầu cho thấy lượng giống gieo sạ giảm từ 46-53%; lượng phân bón hóa học giảm từ 38-42%; thuốc bảo vệ thực vật giảm từ 22-37%; năng suất tăng từ 420-442 kg/ha, lợi nhuận tăng từ 4,5-7,0 triệu đồng/ha/vụ; đồng thời giảm phát thải khí nhà kính từ 3,1-4,9 tấn CO₂ tương đương/ha/vụ. Những kết quả này khẳng định khả năng kết hợp giữa hiệu quả kinh tế và hiệu quả môi trường trong sản xuất lúa phát thải thấp.

Trong giai đoạn 2024-2025, tỉnh đã triển khai 21 mô hình sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh với tổng kinh phí 46,9 tỷ đồng, đồng thời phối hợp triển khai Dự án Chuyển đổi chuỗi giá trị lúa gạo ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bền vững (TRVC) trên diện tích 26.231 ha với 8.385 hộ tham gia. Các mô hình góp phần tạo cơ sở thực tiễn để nhân rộng quy trình canh tác bền vững, từng bước chuẩn hóa dữ liệu phục vụ MRV.



Điểm trình diễn 50ha canh tác lúa giảm phát thải tại HTX Thống Nhất, xã Thanh Bình

III. THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI MRV TẠI TỈNH ĐỒNG THÁP

MRV trong canh tác lúa phát thải thấp gồm ba cấu phần chính: đo đạc, báo cáo và thẩm định. Đối với sản xuất lúa, dữ liệu MRV liên quan đến diện tích canh tác, ranh giới vùng sản xuất, giống và lượng giống gieo sạ, lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế độ tưới tiêu, thời gian rút nước, quản lý rơm rạ, năng suất, phát thải CH₄, N₂O và các thông tin phục vụ tính toán giảm phát thải khí nhà kính.

Tại Đồng Tháp, Hợp tác xã là đầu mối lựa chọn vùng thực hiện MRV, tổ chức thành viên ghi chép nhật ký sản xuất; phối hợp xác định ranh giới vùng sản xuất, vị trí SPOT; cung cấp thông tin về quản lý nước, sử dụng vật tư đầu vào, thu hoạch và xử lý phụ phẩm; đồng thời tham gia kiểm tra, đối chiếu và xác nhận dữ liệu trước khi cập nhật lên hệ thống.

Theo kế hoạch năm 2026, tỉnh thực hiện MRV tại 30 điểm, quy mô 100 ha/điểm, tổng diện tích khoảng 3.000 ha tại 30 HTX/THT đã đăng ký. Mỗi điểm bố trí 10 SPOT, mỗi SPOT có 03 vị trí đo, tương ứng 30 điểm đo/điểm và tổng cộng 900 điểm đo trên toàn tỉnh. Hoạt động MRV được thực hiện liên tục 02 vụ/năm, tạo điều kiện theo dõi dữ liệu qua nhiều mùa vụ và từng bước hoàn thiện đường phát thải cơ sở (*nội dung cụ thể đính kèm phụ lục*).



Bố trí điểm SPOT đo MRV tại mô hình điểm 50ha HTX Mỹ Đông, xã Mỹ Quý

Quy trình thực hiện MRV trên địa bàn tỉnh được triển khai theo hướng kết hợp giữa khảo sát thực địa, định vị điểm đo, số hóa ranh giới vùng sản xuất, phỏng vấn nông dân, thu thập thông tin canh tác và cập nhật dữ liệu lên hệ thống phần mềm MRV. Tại mỗi HTX/THT đăng ký tham gia, các điểm đo được xác định theo mã SPOT, gắn biển nhận diện, bố trí ống đo mực nước và theo dõi định kỳ trong suốt vụ sản xuất.

Trong quy trình này, HTX/THT giữ vai trò là đầu mối phối hợp trực tiếp tại vùng sản xuất. Cụ thể, HTX/THT phối hợp với cán bộ khuyến nông cấp xã và Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công cấp xã hoặc tổ khuyến nông cộng đồng để rà soát danh sách hộ tham gia, xác định diện tích, cung cấp thông tin về khu ruộng, hỗ trợ xác định ranh giới

vùng sản xuất và vị trí đặt điểm đo. Đồng thời, HTX/THT phân công thành viên nông cốt tham gia ghi chép nhật ký đồng ruộng, thu thập dữ liệu về giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, quản lý nước, rơm rạ, vôi và các thông tin canh tác khác của từng hộ dân.

Bên cạnh đó, HTX/THT có trách nhiệm phối hợp hướng dẫn nông dân thực hiện đúng quy trình sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp, nhất là các nội dung liên quan đến tưới ngập khô xen kẽ, rút nước, bón phân, quản lý rơm rạ và thu hoạch. HTX/THT cũng hỗ trợ giám sát thời điểm rút nước, bón phân, thu hoạch để bảo đảm việc đo đạc, cập nhật dữ liệu MRV được thực hiện kịp thời, đầy đủ và đúng thực tế sản xuất.

Như vậy, HTX/THT không phải là đơn vị chủ trì hệ thống MRV, nhưng là lực lượng phối hợp quan trọng tại cơ sở, trực tiếp kết nối giữa nông dân, cán bộ kỹ thuật và cơ quan quản lý. Vai trò của HTX/THT góp phần bảo đảm dữ liệu MRV có địa chỉ cụ thể, có diện tích rõ ràng, có nhật ký canh tác và có cơ sở phục vụ việc xác nhận kết quả giảm phát thải, hướng tới hình thành dữ liệu phục vụ chứng nhận và tín chỉ các-bon trong thời gian tới.



Hình: Ống nhựa PVC trắc mực nước ruộng (AWD)

IV. KHÓ KHĂN

Bên cạnh kết quả bước đầu, quá trình triển khai MRV tại Đồng Tháp còn một số khó khăn, hạn chế cần được quan tâm tháo gỡ.

Thứ nhất, MRV là nội dung mới, yêu cầu cao về chuyên môn kỹ thuật. Việc đo đạc, báo cáo và thẩm định giảm phát thải khí nhà kính trong canh tác lúa đòi hỏi phương pháp thống nhất, dữ liệu đầu vào đầy đủ, tần suất đo phù hợp, quy trình kiểm

tra, xác minh rõ ràng và khả năng giải thích kết quả cho hợp tác xã và nông dân. Trong khi đó, cán bộ cơ sở, HTX/THT và nông dân còn cần thêm thời gian để làm quen với cách tiếp cận này.

Thứ hai, hệ thống dữ liệu sản xuất chưa đồng bộ, việc ghi chép nhật ký đồng ruộng, lượng giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế độ rút nước, xử lý rơm rạ, năng suất và các dữ liệu liên quan vẫn còn phụ thuộc nhiều vào thói quen ghi chép của từng hộ. Khi dữ liệu chưa được số hóa thường xuyên, việc tổng hợp, kiểm tra và báo cáo kết quả giảm phát thải sau mỗi vụ còn gặp khó khăn.

Thứ ba, nguồn nhân lực chuyên trách cho MRV còn hạn chế, cần sự tham gia của cán bộ khuyến nông, bảo vệ thực vật, hợp tác xã, cộng tác viên địa phương/tổ khuyến nông cộng đồng và nông dân. Tuy nhiên, lực lượng tại cơ sở vừa phải đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ chuyên môn khác, vừa phải tiếp cận thêm kỹ thuật đo đạc khí nhà kính, biểu mẫu dữ liệu và quy trình xác minh.

Thứ tư, hạ tầng phục vụ sản xuất phát thải thấp chưa đồng bộ ở một số vùng. Quản lý nước theo AWD, đo mực nước, rút nước đúng thời điểm, thu gom rơm rạ và cơ giới hóa đồng bộ đòi hỏi hệ thống thủy lợi, trạm bơm, giao thông nội đồng, thiết bị cơ giới, cơ sở sấy, kho chứa phù hợp. Tại một số địa bàn, điều kiện hạ tầng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu triển khai trên diện rộng.

Thứ năm, việc quản lý rơm rạ và phụ phẩm sau thu hoạch còn chịu tác động của thời tiết, mùa vụ, khả năng thu gom, thị trường tiêu thụ trong mùa mưa hoặc thời điểm thu hoạch tập trung, việc đưa rơm ra khỏi đồng ruộng, xử lý sinh học hoặc tái sử dụng phụ phẩm còn gặp khó khăn, ảnh hưởng đến việc đáp ứng tiêu chí giảm phát thải.

Thứ sáu, liên kết chuỗi giá trị người tham gia MRV chưa thật rõ ràng. Khi thị trường tín chỉ các-bon trong ngành lúa gạo chưa vận hành ổn định, nông dân và hợp tác xã chưa nhìn thấy đầy đủ lợi ích trực tiếp từ việc ghi chép dữ liệu, tuân thủ quy trình và tham gia MRV. Điều này có thể ảnh hưởng đến động lực duy trì dữ liệu chính xác, liên tục và có khả năng kiểm chứng.

Thứ bảy, năng lực quản trị và chuyển đổi số giữa các HTX chưa đồng đều. Nhiều HTX chưa có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin hoặc quản lý dữ liệu nên việc cập nhật, lưu trữ và khai thác dữ liệu MRV còn gặp khó khăn.

V. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Một là, MRV phải được triển khai gắn với mô hình sản xuất cụ thể, không tách rời thực tiễn đồng ruộng. Dữ liệu đo đạc chỉ có ý nghĩa khi gắn với quy trình canh tác lúa chất lượng cao, phát thải thấp, nhất là các giải pháp giảm giống, giảm phân bón, giảm thuốc bảo vệ thực vật, quản lý nước AWD, thu gom hoặc xử lý rơm rạ và nâng cao hiệu quả kinh tế cho nông dân.

Hai là, hợp tác xã và tổ hợp tác cần được xác định là hạt nhân tổ chức dữ liệu MRV. Nếu từng hộ nông dân thực hiện riêng lẻ, dữ liệu dễ phân tán, thiếu thống nhất và khó kiểm chứng. Hợp tác xã cần là đầu mối tổ chức sản xuất, quản lý nhật ký đồng

ruộng, tổng hợp dữ liệu, phối hợp doanh nghiệp, cán bộ kỹ thuật và cơ quan quản lý trong quá trình báo cáo giảm phát thải.

Ba là, chuyển đổi số là điều kiện quan trọng để MRV khả thi trên diện rộng. Việc sử dụng ứng dụng ghi nhận dữ liệu từ thực địa, mã hóa SPOT, số hóa ranh giới vùng sản xuất, quản lý nhật ký điện tử, kết hợp cảm biến mực nước, dữ liệu dịch hại và thiết bị cơ giới sẽ giúp giảm chi phí thu thập dữ liệu, tăng tính minh bạch và nâng cao khả năng thẩm định.

Bốn là, đội ngũ cán bộ HTX, tổ khuyến nông cộng đồng và cán bộ kỹ thuật cơ sở phải được đào tạo đồng thời về quy trình sản xuất lúa phát thải thấp, kỹ năng thu thập dữ liệu, sử dụng phần mềm MRV và kiểm tra tính chính xác của dữ liệu. Đây là yếu tố quyết định chất lượng dữ liệu đầu vào của hệ thống MRV.

Năm là, nông dân hợp tác xã và doanh nghiệp chỉ duy trì MRV lâu dài khi thấy rõ lợi ích từ giảm chi phí đầu vào, tăng năng suất, ổn định đầu ra, nâng cao giá trị sản phẩm, truy xuất nguồn gốc và cơ hội được hưởng lợi từ chứng nhận giảm phát thải hoặc tín chỉ các-bon.

Sáu là, cơ quan quản lý nhà nước ban hành quy trình và điều phối, khuyến nông hướng dẫn kỹ thuật, viện, trường hỗ trợ phương pháp đo đạc, xử lý số liệu, doanh nghiệp tham gia liên kết tiêu thụ và đầu tư dịch vụ, hợp tác xã tổ chức sản xuất; nông dân thực hiện và cung cấp dữ liệu. Sự phối hợp này quyết định tính bền vững của MRV trong thực tế.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- Sớm hoàn thiện và ban hành hướng dẫn kỹ thuật thống nhất về MRV trong canh tác lúa chất lượng cao, phát thải thấp, trong đó quy định rõ bộ chỉ tiêu dữ liệu, phương pháp thu thập, tần suất đo, biểu mẫu báo cáo, quy trình kiểm tra, xác minh và cơ chế công nhận kết quả giảm phát thải.

- Hoàn thiện cơ chế chứng nhận giảm phát thải, tín chỉ các-bon và chia sẻ lợi ích cho nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và địa phương tham gia Đề án, bảo đảm người trực tiếp thay đổi quy trình sản xuất được hưởng lợi tương xứng.

- Hỗ trợ địa phương đầu tư hạ tầng thủy lợi, giao thông nội đồng, trạm bơm, cơ sở sấy, kho chứa và thiết bị phục vụ quản lý nước, cơ giới hóa, thu gom rơm rạ trong vùng lúa chất lượng cao, phát thải thấp.

- Có chính sách tín dụng xanh, tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân tham gia sản xuất lúa phát thải thấp, nhất là các mô hình có ứng dụng MRV, chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc và quản lý phụ phẩm nông nghiệp.

2. Đối với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

- Xây dựng bộ tài liệu tập huấn chuẩn về MRV trong canh tác lúa phù hợp với từng nhóm đối tượng: cán bộ khuyến nông, cán bộ hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp dịch vụ và nông dân.

- Tổ chức đào tạo giảng viên nguồn về MRV, chuyển đổi số, nhật ký sản xuất điện tử, quản lý nước AWD, quản lý rơm rạ và vận hành các ứng dụng ghi nhận dữ liệu từ thực địa.

- Hỗ trợ xây dựng, theo dõi và đánh giá các mô hình trình diễn MRV cấp hợp tác xã; trong đó kết hợp cảm biến mực nước, quản lý dịch hại thông minh, cơ giới hóa, ứng dụng thiết bị bay không người lái, xử lý rơm rạ và cập nhật dữ liệu số.

- Tăng cường kết nối chuyên gia, viện, trường, doanh nghiệp công nghệ và hệ thống khuyến nông các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long để chia sẻ kinh nghiệm, chuẩn hóa phương pháp và nhân rộng mô hình MRV hiệu quả.

- Hỗ trợ truyền thông để nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp hiểu đúng về MRV, xem MRV là công cụ nâng cao hiệu quả sản xuất và giá trị thị trường chứ không chỉ là thủ tục kỹ thuật.

- Hỗ trợ xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn và cán bộ nòng cốt về MRV tại các hợp tác xã để từng bước chuyển giao việc thu thập và quản lý dữ liệu cho HTX, giảm sự phụ thuộc vào cơ quan chuyên môn.

VII. KẾT LUẬN

Việc triển khai Đề án 01 triệu héc-ta lúa tại Đồng Tháp đã đạt nhiều kết quả tích cực, đặc biệt trong mở rộng diện tích, áp dụng quy trình canh tác bền vững, giảm chi phí đầu vào, tăng lợi nhuận, tăng cường cơ giới hóa, quản lý phụ phẩm và bước đầu ghi nhận hiệu quả giảm phát thải khí nhà kính. Đây là nền tảng quan trọng để tỉnh tiếp tục phát triển vùng lúa chất lượng cao, phát thải thấp trong giai đoạn 2026-2030.

MRV là nội dung mới nhưng có ý nghĩa then chốt đối với quá trình chuyển đổi xanh ngành hàng lúa gạo. Kế hoạch triển khai MRV năm 2026 của Đồng Tháp với 30 điểm, khoảng 3.000 ha, 900 điểm đo, kết hợp đào tạo, thiết bị đo, ứng dụng số và phân công trách nhiệm rõ ràng là bước đi quan trọng nhằm đưa MRV từ chủ trương vào thực tế đồng ruộng. Việc lồng ghép các giải pháp khoa học công nghệ, cảm biến mực nước, quản lý AWD, giám sát dịch hại thông minh, cơ giới hóa, drone và xử lý rơm rạ sinh học sẽ giúp dữ liệu MRV phản ánh sát thực hơn quá trình sản xuất.

Thực tiễn triển khai tại Đồng Tháp cho thấy hợp tác xã giữ vai trò trung tâm trong tổ chức thực hiện MRV. Chất lượng dữ liệu, mức độ tuân thủ quy trình và khả năng duy trì hệ thống MRV phụ thuộc lớn vào năng lực quản trị, tổ chức sản xuất và chuyển đổi số của HTX. Do đó, bên cạnh hoàn thiện quy trình kỹ thuật, cần tập trung nâng cao năng lực HTX, chuẩn hóa dữ liệu sản xuất và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số để MRV thực sự trở thành công cụ quản lý hiệu quả, tạo nền tảng cho phát triển vùng lúa chất lượng cao, phát thải thấp và tham gia thị trường các-bon trong tương lai./.

Phụ lục:
Một số nội dung trọng tâm triển khai MRV
tỉnh Đồng Tháp năm 2026

TT	Nội dung	Triển khai tại Đồng Tháp
1	Quy mô MRV	30 điểm; 100 ha/điểm, tổng diện tích khoảng 3.000 ha tại HTX/THT đăng ký.
2	Điểm đo	10 SPOT x 03 vị trí đo/SPOT x 30 điểm; tổng cộng 900 điểm đo.
3	Thời gian thực hiện	Thực hiện liên tục 02 vụ/năm, năm 2026 tập trung các vụ Hè Thu, Thu Đông hoặc Đông Xuân tùy điều kiện địa phương.
4	Đào tạo, tập huấn	02 lớp ToT, 06 lớp ToF và 30 lớp tập huấn kỹ thuật cho cán bộ, thành viên HTX/THT và nông dân.
5	Công cụ và thiết bị	Ống đo mực nước, biển SPOT, phần mềm ghi nhận dữ liệu MRV, sử dụng Rize App để cập nhật dữ liệu từ thực địa.
6	Dữ liệu thu thập	Ranh giới SPOT, chế độ nước, vật tư đầu vào, quản lý rơm rạ, năng suất, thông số CH ₄ , N ₂ O và nhật ký đồng ruộng.
7	Nhân sự thực hiện	Cán bộ khuyến nông cấp xã và thành viên HTX/THT đo đạc, báo cáo, cán bộ Trung tâm KN&DVNN và Chi cục TT&BVTV hướng dẫn, giám sát.
8	Kinh phí năm 2026	Tổng kinh phí dự kiến 1.421.800.363 đồng, gồm kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và nguồn xã hội hóa.